TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2019/DS-PT
Ngày 05/4/2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Của
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đ Nguyễn Yến Phương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLPT-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 182/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2019/QĐPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn***:* Anh Lê Song B, sinh năm 1982
Anh B ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Lương Thị Đ, sinh năm 1960
Cùng địa chỉ: 242/9C khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2018)

- **Bị đơn**:
1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964
2. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1970
Cùng địa chỉ: 154/9C khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- **Người kháng cáo**: Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T
(Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Song B là bà Lương Thị Đ trình bày:

Anh Lê Song B hiện đang canh tác và quản lý phần đất có diện tích 5.329,7m^2 thuộc thửa số 126 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phần đất này anh B chuyển nhượng từ ông Thiều Linh S vào năm 2012. Giáp ranh với phần đất này là phần đất thuộc thửa 109, tờ bản đồ số 20 của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T. Khi nhận chuyển nhượng có tiến hành đo đạc toàn bộ thửa đất và tại thời điểm này các chủ đất

liền kề không có tranh chấp và đã cắm trụ đá để xác định ranh giữa các thửa đất, các chủ đất giáp ranh cũng ký hiệp thương ranh, trong đó có cả ông H.

Tuy nhiên, từ năm 2017 thì ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T cho rằng vị trí cắm các trụ ranh là nằm trong con mương của ông H mà trước đây các chủ đất liền kề có tranh chấp về đường nước, ông H đã nhổ tất cả các trụ ranh này và hiện nay còn lại 01 trụ nhưng vị trí không chính xác.

Sau khi có tranh chấp thì anh B đã yêu cầu phục hồi, xác định lại ranh đất nhưng ông H không hợp tác và anh B có yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn C hòa giải nhưng ông H không đến dự.

Nay anh B yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích 51,8m^2 thuộc thửa 126 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre do anh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần cát mà ông H đã san lấp trên phần đất lấn chiếm, anh B đồng ý hoàn trả giá trị cho ông H với số tiền 2.000.000 đồng.

Theo bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Ông bà canh tác và quản lý phần đất có diện tích 5.281,5m^2 thuộc thửa 109 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này có nguồn gốc do cha mẹ để lại.

Năm 2011, ông bao kín đất B đê bao vườn. Năm 2012 ông bị hơn 10 hộ tranh chấp ranh và đường nước trong đó có hộ ông Thiều Linh S. Khi tranh chấp ranh đất và đường nước chưa giải quyết xong thì ông S lại chuyển nhượng đất cho anh Lê Song B. Tại thời điểm đó ông S đã có hàng rào ranh giữa đất của ông S và đất của ông H và ông H hoàn toàn không thay đổi gì đối với hàng rào ranh này.

Nay ông bà không đồng ý đối với yêu cầu của anh B vì phần đất tranh chấp có diện tích 51,8m^2 là thuộc thửa 109 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các bên đương sự thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc định giá ngày 29/8/2017 và không có yêu cầu gì khác.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 182/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 164, 166, 175, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Song B đối với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả lại cho anh Lê Song B phần đất có diện tích 9,3m^2 và 42,5m^2 thuộc thửa 126 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre do anh Lê Song B đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Phần đất 9,3m^2 có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 109 (Điểm từ số 2 đến 3 dài 11,16m);
- Nam giáp thửa 126 (Điểm từ số 1 đến 3 dài 11,62m);
- Đông giáp thửa 109 và thửa 126
- Tây giáp thửa 126 (Điểm 1 đến 2 dài 1,7m).

+ Phần đất 42,5m^2 có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 109 (Điểm từ số 5 đến 6 dài 3,18m);
- Nam giáp thửa 126 (Điểm từ số 9 đến 10 dài 13,69m);
- Đông giáp thửa 109 và thửa 129 (Điểm từ số 6 đến 7 dài 16,36m; Điểm từ số 7 đến 8 dài 12,14m; Điểm từ số 8 đến 9 dài 1,17m);
- Tây giáp thửa 126 (Điểm 10 đến 11 dài 16,60m; Điểm 11 đến 5 dài 2,32m).

(Có họa đồ kèm theo)

2. Ghi nhận anh Lê Song B tự nguyện hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T giá trị phần cát đã san lấp trên phần đất 9,3m^2 và 42,5m^2 nêu trên là 2.000.000 đồng. Anh B được trọn quyền sở hữu toàn bộ phần cát đã bơm trên phần đất 9,3m^2 và 42,5m^2 nêu trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng
- Hoàn trả cho anh Lê Song B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0023633 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

6. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Lê Song B chi phí thẩm định, định giá tài sản và lấy họa đồ, trích lục hồ sơ là 1.880.000 đồng.

Ghi nhận anh Lê Song B tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản là 700.000 đồng (đã nộp xong).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 182/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Theo đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn bộ, đầy đủ khách quan vụ án, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà.

Ông bà yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 52m^2 đất nhưng không tính được khối lượng cát mà bị đơn đã bơm là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ nội dung vụ án, bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả đất cho nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm ghi nhận nguyên đơn bồi thường cho bị đơn 2.000.000 đồng tiền cát mà bị đơn đã san lắp là không có căn cứ, cần buộc nguyên đơn trả lại tiền bơm cát cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Phần đất thuộc thửa 126 của nguyên đơn anh Lê Song B thực tế hiện trạng sử dụng cao hơn phần đất thuộc thửa 109 của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim T khoảng 1,2m nên cần phải có bãi lài để bảo vệ chân công trình như lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Việc bị đơn cho rằng từ năm 2011 đến nay giữa ông H và chủ đất cũ thửa 126 là ông Thiều Linh S có tranh chấp ranh đất là không đúng. Căn cứ vào hồ sơ và bản vẽ còn lưu tại Tòa án nhân dân huyện C thì ông H, bà T chỉ có tranh chấp về đường nước với phần đất của ông Thiều Linh S. Và căn cứ vào họa đồ thẩm định thửa đất 109 của ông H được vẽ ngày 25/4/2012 thì tại vị trí giữa thửa 109 và 126 hoàn toàn không có tranh chấp về ranh đất và theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nêu trên thì chính ông H là chủ đất được ông Thiều Linh S chủ giáp ranh ký giáp ranh đã xác định ranh đất giữa hai bên là mép mương và qua thẩm tra xem xét tại chỗ thì từ hàng rào của ông Thiều Linh S (hiện tại là của anh Lê Song B) đến mí mương là 0,8m; ranh đất tiếp giáp ở phía Tây của hai thửa đất 126 và 109 giáp với thửa 120 của ông Đoàn Minh S1 (nhưng không đúng hình thể thực của hai thửa đất do nguyên đơn và bị đơn đang sử dụng vì hai bên đang quản lý sử dụng là ranh đất thẳng nhưng nếu tính ranh đất tới mép mương là 0,8m hay như ông H chỉ đo thì đoạn này có hình gấp khúc). Mặt khác, hàng rào lưới B40 trụ xi măng nằm hoàn toàn trên đất bờ do anh Lê Song B sử dụng cao hơn phần mương vũng do bị đơn sử dụng 1,2m (sau khi bị đơn bơm cát thì vẫn còn cao hơn 0,3m) và thực tế thì các điểm 1, 2, 3, 4 tương ứng với các điểm 9, 10, 11, 13 theo hồ sơ chính quy đo ngày 21/3/2019. Riêng các điểm còn lại do ông H đã bơm cát san lắp

mương, không còn hiện trạng nên không xác định được mép mương đất của anh Lê Song B và cũng không còn các trụ ranh như bản mô tả đã nêu.

Ngoài ra, căn cứ vào hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thiều Linh S với anh Lê Song B thì khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tiến hành đo đạc toàn bộ thửa đất 126 và ông H cũng có ký xác nhận đối với bản mô tả ranh đất, mốc giới thửa đất ngày 14/5/2012 và bản vẽ này là hoàn toàn phù hợp với hình thể, chiều dài ranh đất do nguyên đơn xác định, phù hợp với họa đồ thửa đất 109, 126 hiện nay phía nguyên đơn, bị đơn đang quản lý sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng chữ ký trong bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 14/5/2012 không phải là chữ ký của ông nhưng ông và bà T không có yêu cầu giám định đối với chữ ký này nên không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, ông H thừa nhận là ông có đến Ủy ban nhân dân thị trấn C ký xác định ranh giới thửa đất của ông và ông Thiều Linh S nhưng nội dung thì ông H không biết. Do đó, có căn cứ xác định chữ ký trong biên bản hiệp thương ranh là của ông H.

[2] Đối với việc ông H, bà T cho rằng trên phần đất tranh chấp ông bà có bơm cát cải tạo đất. Xét thấy, Tòa án sơ thẩm căn cứ lời trình bày của ông H, bà T ghi nhận nguyên đơn bồi thường cho bị đơn 2.000.000 đồng tiền cát mà bị đơn đã san lắp là không có căn cứ, mà nguyên đơn phải hoàn trả đúng giá trị phần cát mà bị đơn đã san lắp theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét phần cát đã san lắp nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần này. Cụ thể, trong 51,8m^2 đất có đoạn 3,3m phía ông H giữ nguyên hiện trạng là mương vũng (có diện tích 3,3m x 1,7m = 5,61m^2). Theo xem xét thẩm tra thì nguyên đơn sử dụng phần đất cao hơn bị đơn 1,2m trong khi thực tế sau khi bị đơn bơm cát san lắp thì phần đất hiện tại mà bị đơn sử dụng thấp hơn nguyên đơn 0,3m. Theo kết quả định giá hai bên thống nhất giá cát bơm là 100.000 đồng/m^3. Do đó, số tiền cát đã san lắp được tính như sau: (51,8m^2 - 5,61m^2) x 0,9m x 100.000 đồng/m^3 = 4.157.100 đồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả đất là có căn cứ; nhưng không buộc nguyên đơn trả tiền bơm cát cho bị đơn là thiếu sót.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc ở cấp phúc thẩm tổng cộng là 2.935.000 đồng, cần buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu 1/2 số tiền này. Tuy nhiên, số tiền này bị đơn đã tạm nộp nên nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn số tiền: 1/2 x 2.935.000 đồng = 1.467.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 182/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 164, 166, 175, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Song B đối với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả lại cho anh Lê Song B phần đất có diện tích 9,3m^2 và 42,5m^2 thuộc thửa 126 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre do anh Lê Song B đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Phần đất 9,3m^2 có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 109 (Điểm từ số 2 đến 3 dài 11,16m);
- Nam giáp thửa 126 (Điểm từ số 1 đến 3 dài 11,62m);
- Đông giáp thửa 109 và thửa 126
- Tây giáp thửa 126 (Điểm 1 đến 2 dài 1,7m).

+ Phần đất 42,5m^2 có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 109 (Điểm từ số 5 đến 6 dài 3,18m);
- Nam giáp thửa 126 (Điểm từ số 9 đến 10 dài 13,69m);
- Đông giáp thửa 109 và thửa 129 (Điểm từ số 6 đến 7 dài 16,36m; Điểm từ số 7 đến 8 dài 12,14m; Điểm từ số 8 đến 9 dài 1,17m);
- Tây giáp thửa 126 (Điểm 10 đến 11 dài 16,60m; Điểm 11 đến 5 dài 2,32m).

(Có kèm theo họa đồ xác định ranh đất giữa thửa 126 của anh Lê Song B và thửa 109 của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim T tại các điểm 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13)

2. Buộc anh Lê Song B hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T giá trị phần cát đã san lấp trên phần đất 9,3m^2 và 42,5m^2 nêu trên là 4.157.100 đồng. Anh B được trọn quyền sở hữu toàn bộ phần cát đã bơm trên phần đất 9,3m^2 và 42,5m^2 nêu trên.

3. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng

- Hoàn trả cho anh Lê Song B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0023633 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H và

bà Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020379 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Lê Song B chi phí thẩm định, định giá tài sản và lấy họa đồ, trích lục hồ sơ ở cấp sơ thẩm là 1.880.000 đồng.

Ghi nhận anh Lê Song B tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản là 700.000 đồng (đã nộp xong).

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc ở cấp phúc thẩm là 2.935.000 đồng: Buộc anh Lê Song B và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim T mỗi bên chịu 1/2 là 1.467.500 đồng. Số tiền trên do ông Nguyễn Văn H đã tạm nộp nên buộc anh Lê Song B phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H 1.467.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Kim Của